

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2020

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2020/HNGĐ – TLST ngày 04/5/2020 về “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* ”. Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/6/2020; Quyết Đ hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐ-ST ngày 03/7/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh ngày 10/6/1985 (vắng mặt).

HKTT và chỗ ở hiện nay: Đội 6, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 08/02/1981(vắng mặt).

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã K, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày: Chị và anh Đ được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Hải Dương ngày 10 tháng 10 năm 2003. Sau ngày cưới anh chị sống cùng bố mẹ anh Đ tại X, xã K, huyện H, Hải Dương. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, đến khoảng năm 2008 anh Đ đi Đài Loan lao động, khi hết hạn hợp đồng 3 năm anh Đ về Việt Nam được 20 ngày, sau đó lại tiếp tục sang Đài Loan lao động lần 2. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc,

đến năm 2014 anh Đ không gọi điện về cho chị, tình cảm vợ chồng nhạt dần. Đầu năm 2015 chị về Thanh Hóa sinh sống, cuối năm 2015 chị sang Đài Loan lao động và tìm gặp chồng. Hai bên chưa gặp được nhau thì chị phải về Việt Nam do lao động bất hợp pháp. Sau khi về Việt Nam chị không ở cùng với gia đình anh Đ mà thỉnh thoảng về quê chồng để thăm các con. Nay chị xác Đ tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung : Vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 09/01/2003 và cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 03/12/2007. Hiện nay các cháu đang ở với ông bà nội, nay ly hôn chị tôn trọng ý kiến của các con. Nếu các cháu có nguyện vọng được ở với chị, chị đồng ý và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do chị V không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xác minh tại gia đình, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh Đ. Ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị D là bố mẹ đẻ anh Đ xác Đ, anh Đ hiện lao động tại Đài Loan, ông bà không biết địa chỉ của anh Đ nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh Đ thường xuyên liên lạc về gia đình. Việc chị V có đơn xin ly hôn ông bà có biết, vì thực chất hai bên sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, hiện nay chị V đã về Thanh Hóa sinh sống. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Đ biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các bản tố tụng theo quy Đ của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông N bà D xác Đ đã thông tin cho anh Đ biết. Anh Đ có quan điểm đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung, hiện tại các cháu đang ở với ông bà nội, ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi các con và ủy quyền cho bố mẹ chăm sóc các con trong thời gian anh không ở Việt Nam. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các cháu Nguyễn Thị Bích Th và Nguyễn Văn B đều có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Khi bố không ở Việt Nam các cháu có nguyện vọng được ở với ông bà nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy Đ của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị V có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy Đ của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị V và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 10/10/2003, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ đi nước ngoài thời gian dài không về, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Vợ chồng chấm dứt liên lạc từ năm 2014, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị V xác Đ tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, thông qua gia đình, anh Đ có quan điểm đồng ý ly hôn với chị V. Xét thấy, thực tế anh Đ, chị V sống ly thân từ nhiều năm, hai bên không quan tâm đến nhau, nên có căn cứ xác Đ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

- *Về con chung:* Chị Lê Thị V và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 09/01/2003 và cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 03/12/2007. Hiện các cháu đang ở với bố mẹ của anh Đ là bà Cao Thị D và ông Nguyễn Văn N. Ly hôn chị V tôn trọng ý kiến của các con. Anh Đ có quan điểm xin được nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Cháu Th và cháu B có nguyện vọng được ở với bố, thời gian bố không ở Việt Nam các cháu có nguyện vọng được ở với ông bà nội. Tại lời khai, ông N bà D đồng ý nhận ủy quyền chăm sóc các cháu trong thời gian anh Đ không có mặt ở Việt Nam. Xét thực tế từ năm 2015 cháu Th và cháu B đã ở với ông bà nội, việc đến trường học tập và cuộc sống của các cháu vẫn được đảm bảo. Do vậy để ổn định cuộc sống của các cháu cần tiếp tục giao cháu Th, cháu B cho anh Đ nuôi dưỡng, trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam giao cháu

Th, cháu B cho ông N, bà D chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy Đ về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 09/01/2003 và cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 03/12/2007 cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, giao cháu Th, cháu B cho ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị D chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp (do chị Luân Thị N nộp thay), theo biên lai thu số AA/2018/0002109 ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy Đ pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy Đ pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương.
- Cục THA dân sự.
- Các đương sự.
- UBND xã K
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

